TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT VÀ DÂN CHỦ(*)

ĐOÀN KẾT ĐỂ KIẾN TẠO NỀN CỘNG HÒA DO NHÂN DÂN LÀ CHỦ VÀ LÀM CHỦ

TRẦN TUẤN PHONG (**)

Trên cơ sở phân tích tính nhân văn sâu sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết, tác giả bài viết đi đến kết luận rằng, tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh là nền tảng và nguồn sức mạnh to lớn không những trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, mà còn trong công cuộc xây dựng và phát triển nền cộng hòa, nơi mà mọi người dân đều có quyền là chủ và có cơ hội làm chủ. Nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện ở quan niệm của Người về mối liên hệ mật thiết và gần gũi giữa đoàn kết và dân chủ, giữa chính thể cộng hòa và dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết mang một ý nghĩa nhân văn hết sức sâu sắc. Chính tư tưởng về đoàn kết và đại đoàn kết dân tộc của Người là nền tảng và nguồn sức mạnh to lớn góp phần quan trọng cho mọi thành công của sự nghiệp cách mạng Việt Nam: Tư tưởng đại đoàn kết là cơ sở để kết nối tất cả mọi người dân (đồng bào cả nước) cùng nhau giành ***độc lập*** cho dân tộc, đem lại quyền ***tự do*** cho mọi người, mở ra cơ hội để mọi người dân đều được theo đuổi cuộc sống ***hạnh phúc***. Đại đoàn kết luôn là động lực chủ yếu trong công cuộc đấu tranh giải phóng và thống nhất Tổ quốc, cũng như trong công cuộc xây dựng một Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

1. Tính nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện lòng yêu thương đối với con người, mà còn biểu hiện nỗ lực tiếp thu và kết hợp sáng tạo tư tưởng nhân văn tiến bộ của phương Đông với tinh hoa của các nền văn hóa khác nhau ở phương Tây và nhân loại. Tính nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện ở sự tôn trọng tất cả những tư tưởng tiến bộ hướng tới mục tiêu cao cả nhất là hạnh phúc của con người. Hồ Chí Minh từng khẳng định rằng, "học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo của Jêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Jêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có ưu điểm chung đó sao? Họ đều mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu hạnh phúc cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, tôi

(*) Nghiên cứu này là kết quả thuộc đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ *"Thực hành dân chủ ở Việt Nam qua phát huy các thiết chế xã hội dân sự"*.

(**) Tiến sĩ, Phó viện trưởng Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

tin rằng họ nhất định sống chung với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm một người học trò nhỏ của các vị ấy"(1).

Trong quan niệm nhân văn của Hồ Chí Minh, hạnh phúc của con người không chỉ thể hiện trong sự phát triển cá nhân riêng lẻ, mà còn là sự phát triển dành cho tất cả mọi người. Bởi vì, như Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh, "chữ Người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bạn bè. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người"(2). Hạnh phúc đích thực mà con người tìm kiếm được hiện thực hóa trong sự khai triển trọn vẹn của bản tính con người (*thành người*), đó cũng chính là lý tưởng và mục đích tối thượng của sự phát triển con người. Mưu cầu hạnh phúc cho loài người, cho xã hội và cho dân tộc cũng chính là mục tiêu chính trong toàn bộ cuộc đời cách mạng của Hồ Chí Minh: "Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân(...). Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân"(3), hoặc: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"(4).

2. Đại đoàn kết trong công cuộc kiến tạo nền cộng hòa do nhân dân làm chủ

Chính tư tưởng nhân văn là cơ sở để Hồ Chí Minh phát triển tư tưởng đại đoàn kết. Đại đoàn kết xây dựng trên cơ sở nhân văn là hướng tới một đời sống xã hội mà nhân phẩm con người được tôn trọng, một cuộc sống không có áp bức, bóc lột và kỳ thị xã hội. Trong bối cảnh đất nước sống dưới ách thống trị của thực dân ngoại bang, nhiệm vụ đầu tiên là phải đoàn kết tất cả mọi người dân đang sống trong áp bức và bóc lột của thực dân đứng lên làm cách mạng. Cách mạng là sự nghiệp chung của toàn dân tộc, của mọi người dân Việt Nam không phân biệt màu da, tín ngưỡng và tôn giáo. Mục tiêu nhân văn của cách mạng vì thế đã đoàn kết được rộng rãi quần chúng nhân dân. Hơn ai hết, Hồ Chí Minh hiểu rõ giá trị của đoàn kết và đại đoàn kết dân tộc: "Nhờ đại đoàn kết mà nhân dân Việt Nam đã đánh thắng chủ nghĩa thực dân, làm Cách mạng Tháng Tám thành công và đã kháng chiến đến thắng lợi. Nhờ đại đoàn kết toàn dân mà nước Việt Nam chúng tôi nhất định sẽ thống nhất"(5).

Đề cập đến nội dung của đoàn kết, Hồ Chí Minh đã khẳng định rõ: "Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác. Đó là *nền gốc* của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác"(6). Nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc là liên minh công nông, là lực lượng chủ yếu để tập hợp mọi tầng lớp trong xã hội, mọi dân tộc anh em, đồng bào của các tôn giáo,

(1) Xem. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Nxb Tam Liên, tháng 6 năm 1949.
(2) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.644.
(3) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.240.
(4) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.161-162.
(5) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.11, tr.53.
(6) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.9, tr.438.

đảng phái khác nhau vì mục đích giải phóng dân tộc khỏi ách ngoại xâm. Một sự đoàn kết rộng lớn vượt qua mọi chia rẽ và khác biệt để tạo ra sức mạnh tổng hợp, để cùng nhau đứng lên đấu tranh giành lấy độc lập và quyền tự quyết định số phận và hạnh phúc của mỗi cá nhân và của cả dân tộc: "Chính phủ cùng toàn thể đồng bào Việt Nam kiên quyết chiến đấu, tranh quyền thống nhất và độc lập cho nước nhà để cho văn hóa cũng như chính trị và kinh tế, tín ngưỡng, đạo đức đều được phát triển tự do"(7).

Mục đích cách mạng của Hồ Chí Minh là giành lại quyền độc lập cho đất nước, quyền tự do cho dân tộc để *mọi người dân* có thể thực hiện quyền được phát triển, "quyền được sung sướng và quyền hạnh phúc". Rõ ràng rằng, khi đất nước bị mất chủ quyền, cả dân tộc sống trong ách nô lệ, thì người dân làm gì có tự do mà phát triển. Chính tư tưởng nhân văn còn đưa Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa cộng sản. Xuất phát từ lòng yêu nước, thương nòi của mình, trong tiến trình đi tìm đường cứu nước để giành lại độc lập cho dân tộc, giải phóng cho đồng bào khỏi ách nô lệ của thực dân, Hồ Chí Minh đã tìm ra chủ nghĩa cộng sản là con đường phù hợp và đúng đắn để đạt được mục đích đó: "Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tán thành theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"(8).

Khi đã giành lại độc lập cho đất nước, thì "các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người"(9). Bởi vì, Hồ Chí Minh hiểu rõ rằng, "nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì" và "chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ"(10). Vậy nên, sau khi cách mạng thành công, Hồ Chí Minh đã đề ra những công việc cần phải ngay lập tức thực hiện để tạo điều kiện cho "tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình"(11), mà cụ thể là "chúng ta phải thực hiện ngay:

1. Làm cho dân có ăn.
2. Làm cho dân có mặc.
3. Làm cho dân có chỗ ở.
4. Làm cho dân có học hành"(12).

Nếu như làm cho dân có ăn, có mặc và có chỗ ở là đáp ứng những điều kiện thiết yếu để con người sinh tồn, thì làm cho dân có học hành là tạo điều kiện và tạo cơ hội để con người được tự do phát triển. Sau giặc ngoại xâm và giặc đói, giặc dốt cũng là một chướng ngại to lớn cần vượt qua. Sự nghiệp giáo dục được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm bởi "một dân tộc dốt là một dân tộc yếu".

(7) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.5, tr.131.
(8) http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/Preview/PrintPreview.aspx?co_id=28340618&cn_id=355197.
(9) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.22.
(10) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.152.
(11) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.272.
(12) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.152.

Trong thư gửi các em học sinh, Hồ Chí Minh đã căn dặn rằng, "chúng ta phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu", điều đó có thể làm được vì học sinh của chế độ mới "được hấp thụ một nền giáo dục của một nước độc lập, một nền giáo dục nó sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em"(13). Mục tiêu "phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có" không những là đem lại hạnh phúc cho cá nhân, mà còn giúp "xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại" để làm sao "theo kịp các nước trên hoàn cầu". Đó cũng là việc nước, "là việc chung, mỗi một người con Rồng cháu Tiên, bất kỳ già, trẻ, gái, trai, giàu nghèo, quý tiện, đều phải gánh một phần, đều phải ra sức"(14). Sự nghiệp phát triển vì hạnh phúc con người, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, là sự nghiệp chung của cả dân tộc. Tương lai của dân tộc, của đất nước phụ thuộc vào mỗi người, vào sự phấn đấu và phát triển liên tục không mệt mỏi của mỗi con người: "Nếu mỗi người đều tốt, thì thành làng tốt, nước mạnh. Người là gốc của làng nước. Nếu mọi người đều cố gắng làm đúng đời sống mới, thì dân tộc nhất định sẽ phú cường(...). Việc thế giới rất nhiều, học không bao giờ hết. Người có học mới có tiến bộ. Càng học càng tiến bộ"(15).

Như vậy, phát triển con người, phát triển giáo dục chính là phát triển năng lực làm chủ của mọi người dân, để tất cả mọi người đều có thể tham gia và đóng góp tích cực vào công cuộc kiến tạo một nền cộng hòa thừa nhận nhân dân là chủ và tạo điều kiện để nhân dân được làm chủ. Mục tiêu xây dựng và phát triển nền ***dân chủ cộng hòa*** ở Việt Nam không chỉ là cơ sở để tạo ra một sự đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, mà còn là động lực khuyến khích mọi người dân tham gia vào công cuộc quản lý đất nước. Chính thể cộng hòa như vậy là thành quả, là tài sản chung của nhân dân và phải do người dân làm chủ.

3. Bối cảnh văn hóa và tiến trình của dân chủ

Trong nhận thức của Hồ Chí Minh, sau khi dân tộc được độc lập, quốc dân đồng bào được tự do thì khi đó, mọi công dân Việt Nam mới được thừa nhận *là chủ*, mới có điều kiện để được *làm chủ*. Năng lực làm chủ không phải tự nhiên mà có, mà nó gắn bó chặt chẽ với giáo dục và phát triển con người. Năng lực làm chủ thể hiện mức độ phát triển của con người, mức độ con người hiện thực hóa các tiềm năng, các "lực lượng bản chất" của mình. Hơn thế nữa, sự phát triển con người hay phát triển năng lực làm chủ luôn diễn ra trong các bối cảnh lịch sử xã hội cụ thể, trong các truyền thống văn hóa cụ thể và đặc thù. Ở đây, ta có thể thấy được mối liên hệ biện chứng giữa phát triển của cá nhân con người với truyền thống văn hóa của cộng đồng người. Truyền thống văn hóa tồn tại như kết quả của sự phát triển bản chất con người, kết quả của sự khẳng định tính chủ thể của sự phát

(13) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.32.
(14) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.240.
(15) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.5, tr.99.

triển tự do của con người, của (những) thế hệ người; nhưng, mặt khác, truyền thống văn hóa cũng đóng vai trò là điều kiện cần thiết cho sự phát triển của con người với tư cách môi trường lịch sử xã hội cho sự hình thành các chủ thể xã hội của thế hệ con người tiếp theo. Trong mạch văn này, dân chủ có thể được xem xét dưới góc độ hình thành và phát triển của một cộng đồng người như là chủ thể của sự phát triển. Tiến trình phát triển của văn hóa cũng đồng thời là tiến trình phát triển của dân chủ trong lịch sử phát triển của loài người.

Nhìn lại lịch sử phát triển của nhân loại, thì khái niệm dân chủ và nền dân chủ khởi nguồn từ Hy Lạp cổ đại, trong các thành - bang (polis) của người Hy Lạp cổ. Khi đó, rõ ràng rằng, không phải bất cứ người nào cũng được thừa nhận *là chủ* và được tham dự bình đẳng vào đời sống của cộng đồng chính trị. Phụ nữ, nô lệ, trẻ em và người ngoại quốc không được thừa nhận là công dân của cộng đồng chính trị đó. Chỉ có những người đàn ông Hy Lạp trưởng thành, có giáo dục và độc lập về mặt kinh tế (có tài sản là ông chủ của hộ gia đình) mới được công nhận là công dân tự do của cộng đồng chính trị. Với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở phương Tây, quyền làm chủ gắn liền với những người có tài sản riêng (tư sản). Chính quyền sở hữu đó đã ảnh hưởng đến quyền tự do và tự chủ của những người không có tài sản riêng (vô sản) và "buộc phải trao quyền tự do về thời gian cho một người khác để bảo đảm sự sinh tồn của mình". Do vậy, những người không có tài sản, không có điều kiện học hành và giáo dục hầu như bị gạt ra khỏi lề của những không gian phát triển của xã hội trong lòng chủ nghĩa tư bản. Trong thế giới của chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là của nền dân chủ tự do (liberal democracy), quyền được phát triển, quyền làm chủ của nhiều người không được đảm bảo, bởi như Thomas Meyer và Nicole Breyer đã chỉ ra rằng: "Một là, một khi con người không có đủ thu nhập trên thị trường thì sự tồn tại của họ sẽ bị đe dọa, xét trên phương diện phẩm giá con người, và trong một số trường hợp hạn hữu, còn đe dọa cả cuộc sống thể chất của họ. Điều đó vi phạm các quyền cơ bản và điều kiện tự chủ của cá nhân.

Hai là, những người do không có phương tiện riêng (tài sản riêng), buộc phải ký hợp đồng lao động, mà bản thân nó lại vi phạm những tiêu chuẩn về quyền tự quyết và nhân phẩm của họ, thì thực chất những quyền cơ bản của họ cũng bị xâm phạm. Họ mất quyền tự chủ xã hội.

Ba là, những người bị thua thiệt bởi tình trạng bất bình đẳng trong việc phân phối của cải và trong khi thực hiện cơ hội tham gia chính trị của họ, những người đó thực chất cũng bị hạn chế đáng kể trong các quyền công dân của họ. Quyền tự chủ chính trị của họ không được đảm bảo"(16).

Sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa với tư cách một chế độ xã hội hoàn thiện hơn, một nấc thang phát triển cao hơn chế độ tư bản chủ nghĩa phải được thể hiện ở chỗ, nó phải là chế độ khắc phục được các nhược điểm của chủ nghĩa tư bản để đảm bảo cho mọi

(16) Thomas Meyer và Niole Breyer. *Tương lai của nền dân chủ xã hội*. Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2007, tr.120-121.

người dân đều có cơ hội được phát triển, đều có cơ hội ngang nhau để được tham gia đóng góp vào sự phát triển của xã hội. Tính bền vững của sự phát triển xã hội như vậy phải được thể hiện qua chính sách phát triển xã hội nhận được sự đồng thuận và ủng hộ rộng rãi của nhân dân, phát huy được tối đa sự tham gia tích cực của người dân. Chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa phải là chế độ được tổ chức và quản trị một cách thực sự dân chủ nhằm đảm bảo quyền làm chủ của mọi người dân, phải là một nền dân chủ lấy các quyền lợi cơ bản của người dân làm mục tiêu và điểm xuất phát trong các chính sách phát triển. Người dân thực sự có cơ hội làm chủ khi công bằng xã hội được đảm bảo: Hệ thống pháp luật minh bạch là điều kiện cần thiết để đảm bảo sự công bằng về quyền lợi, công bằng về cơ hội phát triển, công bằng trong phân phối và sử dụng các công ích xã hội để mọi người dân thực sự có cơ hội tham gia và hưởng thành quả của phát triển, được tạo cơ hội phát huy tiềm năng sáng tạo của mình. Chính vì vậy mà trong sự phát triển của con người và xã hội loài người, dân chủ đóng một vai trò hết sức quan trọng. "Đây là một trong những tiêu chí căn bản để đánh giá tính chất và trình độ phát triển của một xã hội", bởi "dân chủ chi phối trực tiếp sự phát triển cộng đồng và của mỗi người"(17).

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ thì lo việc nước hay làm chủ, dân chủ hay nền cộng hòa là sự phụng sự cho sự nghiệp chung của cả đất nước, của toàn bộ dân tộc. Tham gia vào xây dựng chính thể cộng hòa vì thế vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi công dân Việt Nam. Chính vì vậy mà ngay từ năm 1946, trong cuộc Tổng tuyển cử bầu quốc hội khóa đầu tiên của nền cộng hòa non trẻ, Hồ Chí Minh đã tuyên bố rõ rằng: "Trong cuộc Tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử. Không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó"(18).

Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng, mục đích của việc xây dựng nền cộng hòa do nhân dân làm chủ cũng tương tự như mục đích của công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, bởi mục đích của chủ nghĩa xã hội đã được Hồ Chí Minh nêu một cách rõ ràng và dễ hiểu: "*Chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân sung sướng, ấm no*" (chúng tôi nhấn mạnh – T.T.P); "mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân", hoặc "nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc". Mục tiêu của nền cộng hòa do nhân dân làm chủ, mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội chính là cơ sở để tập hợp, để đoàn kết tất cả quần chúng nhân dân lao động. Ở đây, chúng ta có thể nhận thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa đoàn kết với dân chủ, giữa chính thể cộng hòa với dân chủ xã hội xã hội chủ nghĩa trong tư tưởng của Hồ Chí Minh. ❑

(17) Hoàng Chí Bảo. *Dân chủ và dân chủ ở cơ sở nông thôn trong tiến trình đổi mới* (xuất bản lần thứ hai). Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2010, tr.7.
(18) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.133.